

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 145/2025/HS-PT
Ngày 26 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuần.

Các Thẩm phán:

1. Ông Hoàng Kim Khánh;

2. Bà Lưu Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Ông Vũ Đình Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 145/2025/TLPT-HS, ngày 19/5/2025, đối với bị cáo Thái Thanh A và Lê Tiến B, về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm”, bị cáo Trần Văn T, về tội “Sản xuất hàng giả là thực phẩm, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2025/HS-ST, ngày 24/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Thái Thanh Anh . Giới tính: Nam; Sinh ngày 10 tháng 6 năm 1986 tại: tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Tổ A Ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Họ và tên cha: Thái Văn H, sinh năm 1959; Họ và tên mẹ: Trần Thị T1, sinh năm 1959; Bị cáo có vợ: Đinh Thị Lệ C, sinh năm 1989. Có 02 con (Con lớn sinh năm 2021, con nhỏ nhất 2023). Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/02/2004 bị Công an huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt hành chính với số tiền 200.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng. Bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày từ ngày 27/12/2023 đến ngày 09/4/2024 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, thay thế bằng biện pháp bảo lãnh, hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trần Văn T. Giới tính: Nam; Sinh ngày 12 tháng 4 năm 1997

tại: Tỉnh Ninh Thuận; Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Trần Văn N, H1 và tên mẹ: Bùi Thị H2; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ tên: Lê Tiến B. Giới tính: Nam; Sinh ngày 02 tháng 6 năm 1995 tại: Tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Họ và tên cha: Lê Tiến B1, sinh năm 1967; Họ và tên mẹ: Lê Thị T2, sinh năm 1971; Gia đình có 02 anh em. Bị cáo là con thứ hai.

Bị cáo có vợ: Lê Thị Thu T3, sinh năm 1997. Bị cáo có 03 con (Con lớn nhất sinh năm 2017; con nhỏ nhất sinh năm 2023). Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 29/11/2022 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử tuyên phạt 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng kể từ ngày tuyên án về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự theo Bản án phúc thẩm số 166. Ngày 24/12/2023, khi bị cáo đang thực hiện hành vi phạm tội thì bị bắt, hiện bị cáo chưa chấp hành xong thời gian thử thách.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Tạm giữ từ ngày 27/12/2023 đến ngày 05/01/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. Ngày 09/4/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh cho đến nay, hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thái Thanh A là chủ Cơ sở sản xuất cà phê H8 (được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh số 47D8006471, đăng ký lần đầu ngày 12/9/2018, địa chỉ kinh doanh: Tổ A, ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; ngành nghề kinh doanh: Sản xuất cà phê, được Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện V cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh cà phê rang (cà phê xay). Theo Bản tự công bố sản phẩm số 01/HM/2018: Cà phê rang xay (nhãn hiệu Hương Mộc), thành phần: Cà phê Arabica 30%, cà phê Robusta 50%, đậu nành 10%, bắp 5%, bơ 2%, muối 2%, hương cà phê tổng hợp 1% (Coffee Powder hoặc hương cà phê KN410, phụ gia thực phẩm AAA caramel colour S5000). Cơ sở sản xuất cà phê Hương Mộc sản xuất, đóng gói cà phê trong 14 loại bao bì gồm: H3 mộc coffee vỏ bao bì màu đỏ; H3 Mộc coffee vỏ bao bì màu xanh lá cây; H3 Mộc coffee vỏ bao bì

màu xanh dương; H3 Mộc Cafe rang xay cao cấp vỏ bao bì màu nâu; Hương Mộc Cafe rang xay cao cấp vỏ bao bì màu trắng; Coffee Chồn đen; Cà phê Buôn Mê T4 chồn sáng tạo; Cà phê Buôn Mê T4 chồn; Nguyên Phát vỏ bao bì màu nâu; Nguyên Phát vỏ bao bì màu xanh; Hương Mộc chồn vỏ bao bì màu trắng; Hương Mộc chồn vỏ bao bì màu nâu; Hương Mộc chồn vỏ bao bì màu đen; Hương Mộc chồn vỏ bao bì màu xanh lá cây. Thái Thanh A là người trực tiếp quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động sản, xuất kinh doanh cà phê. Thái Thanh A thuê nhiều người làm công trong cơ sở sản xuất cà phê của mình, nhưng không có hợp đồng lao động, chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Để điều hành hoạt động sản xuất của H4 kinh doanh, Thái Thanh A chia làm 03 tổ để thực hiện 03 giai đoạn sản xuất như sau: Tổ rang nguyên liệu gồm có: Bạch Gia V (sinh năm 2008, địa chỉ cư trú: Tổ A, Ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai); Nguyễn Văn D (sinh năm 2005, địa chỉ cư trú: Tổ A, Ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai); Lê Văn T5 (sinh năm 2007, địa chỉ cư trú: Tổ H, Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai) thực hiện việc rang đậu nành, rang cà phê, trộn đậu nành với phụ gia; Tổ trộn nguyên liệu, xay nguyên liệu: Trần Văn T; Phan Nhật Thanh T6 (sinh năm 1996, trú tại: Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai, bắt đầu làm từ ngày 12/12/2023 đến ngày 25/12/2023); Tổ đóng gói sản phẩm: Quách Thị X (sinh năm 2003, địa chỉ: Tổ A, Ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai) thực hiện công việc đóng gói sản phẩm và may kết miệng vỏ bao bì, dập in ngày sản xuất, hạn sử dụng.

Quá trình trộn nguyên liệu sản xuất cà phê thì Thái Thanh A chỉ hướng dẫn, chỉ đạo trực tiếp Trần Văn T trực tiếp thực hiện theo tỷ lệ A đưa ra. Từ tháng 10/2023, Thái Thanh A chỉ đạo Trần Văn T khi xay nguyên liệu không trộn cà phê hạt đã rang với đậu nành để sản xuất đối với các nhãn hiệu cà phê Cà phê Buôn Mê Thuật Chồn vỏ bao bì màu nâu; Cà phê Buôn Mê T4 Chồn sáng tạo vỏ bao bì màu nâu; Hương Mộc C1 vỏ bao bì màu đỏ. Quá trình giao nhiệm vụ, Thái Thanh A nói cho T biết là do không có cà phê hạt để mua nên sử dụng 100% đậu nành đã rang tẩm phụ gia để sản xuất đóng gói vào 03 loại vỏ bao bì trên để làm giả cà phê. Trần Văn T nhận thức được việc sản xuất cà phê bột nhưng trong thành phần không có cà phê hạt thì sản phẩm đó là làm giả cà phê bột, nhận thức được hành vi của mình là sai nhưng để được hưởng lương và các khoản tiền thưởng khác nên Trần Văn T đã thực hiện theo sự chỉ đạo của Thái Thanh Anh .

Đối với số cà phê bột giả do cơ sở sản xuất cà phê H8 sản xuất, Thái Thanh A đã bán ra thị trường cho: ông Trần Lý S (sinh năm 1964, trú tại: tổ A, ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai) 10 gói cà phê bột BMT chồn sáng tạo vỏ bao bì màu nâu được số tiền 300.000 đồng; bà Lê Thị Hồng H5 (sinh năm 1977, trú tại: ấp D, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai) 04 gói cà phê bột Hương M Coffee màu đỏ được số tiền 100.000 đồng; bà Lầu Mỹ P (sinh năm 1986, trú tại: tổ H, khu phố G, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai) 10 gói cà phê Hương Mộc C1 ngày sản xuất 20/12/2023, vỏ

bao bì màu xanh dương được số tiền 350.000 đồng; ông Trần Văn T7 (sinh năm 1981, trú tại: ấp F, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai) 10 gói cà phê bột Hương Mộc Coffee ngày sản xuất 20/12/2023, vỏ bao bì màu xanh dương được số tiền 350.000 đồng; bà Lê Thị H6 (sinh năm 1986, trú tại: ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai) tổng cộng 60 gói (trong đó có: 20 gói cà phê bột Hương Mộc Coffee ngày sản xuất 10/12/2023 vỏ bao bì màu đỏ, 20 gói cà phê bột Buôn Mê Thuật chồn sáng tạo ngày sản xuất 10/12/2023, vỏ bao bì màu nâu; 20 gói cà phê bột Buôn Mê T4 chồn sáng tạo ngày sản xuất 10/12/2023) được tổng số tiền 1.500.000 đồng.

Lê Tiến B là chủ Cơ sở sản xuất cà phê H9 (địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk), được Phòng Tài chính Kế hoạch huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Hộ kinh doanh) số: 40D8007021, Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 03/4/2023; ngành nghề kinh doanh: Rang xay cà phê hạt, bột; được C4 và thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm số: 69/2023/NNPTNT-ĐL, ngày 15/5/2023 (thời hạn 03 năm) và có bản tự công bố sản phẩm số: 01/CÀ PHÊ HUY ĐẠT/2023 đối với sản phẩm “CÀ PHÊ BỘT HUY ĐẠT”. Lê Tiến B tự thiết kế bao bì (hình ảnh, nhãn hiệu, thông tin), nội dung: “*Thành phần: Hạt Cà phê (R, A, C2, moca, culy, bơ, nước mắm nhĩ*”, “*Chỉ tiêu chất lượng theo TCVN: Độ ẩm $\leq 5\%$, hàm lượng Caffeine $\geq 1\%$* ”; sau đó đặt in ra 05 loại bao bì nhãn hiệu Coffee Huy Đ, Coffee Huy Đ 2, C Chồn Ban Mê Huy Đạt gói màu nâu và C1 Chồn Ban Mê Huy Đạt gói màu đen, Cà phê Huy Đạt vỏ bao bì màu bạc. Để thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, Bắc mượn của ông Lê Tiến B1 (là bố đẻ của Lê Tiến B, trú tại: thôn Q, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk) khu vực kho làm xưởng sản xuất và 01 xe ô tô tải nhãn hiệu KIA mang biển kiểm soát 47C-265.XX làm phương tiện để kinh doanh, thuê Trần Văn S1 (sinh năm 1989, trú tại: Thôn T, xã V, huyện T, tỉnh Nghệ An) và Lê Văn N1 (sinh năm 2005, trú tại Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh) làm nhân viên kinh doanh, không có hợp đồng lao động.

Do cuối năm 2023, giá cà phê hạt tăng cao, việc sản xuất cà phê bột theo đúng hàm lượng C3 đã công bố và in trên bao bì sản phẩm thì việc buôn bán sẽ không có nhiều lợi nhuận nên B nảy sinh ý định sản xuất cà phê bột chỉ sử dụng đậu nành để bán ra thị trường nhằm có thêm lợi nhuận nhưng B không biết công thức và cách làm nên ngày 07/12/2023, B liên hệ Thái Thanh A (Bắc có mối quan hệ quen biết trước đó) để đặt Thái Thanh A sản xuất cà phê, chỉ sử dụng đậu nành đã rang tẩm với phụ gia đóng gói 04 loại cà phê bột có tổng khối lượng, gồm các nhãn hiệu: C, Coffee Huy Đ 2, C Chồn Ban Mê Huy Đ1 (vỏ bao bì màu nâu) và C1 Chồn Ban Mê Huy Đ1 (vỏ bao bì màu đen). Thái Thanh A mặc dù biết B đặt mua cà phê bột giả để bán ra thị trường để thu lợi nhưng vẫn đồng ý và từ ngày 08/12/2023 đến ngày 11/12/2023, đã chỉ đạo Trần Văn T thực hiện sản xuất, đóng gói đủ 1.210kg cà phê bột theo đơn

đặt hàng của Lê Tiến B. Khi sản xuất xong, Anh thông báo cho B, B thanh toán tiền cho Thái Thanh A với số tiền 37.510.000 đồng. Đến ngày 19/12/2023, Lê Tiến B một mình điều khiển xe ô tô nhãn hiệu KIA mang biển kiểm soát 47C-265.XX (do ông Lê Tiến B1 – bố đẻ của Lê Tiến B là chủ sở hữu) đến Cơ sở sản xuất cà phê H8 để nhận cà phê và chở về Cơ sở sản xuất cà phê H9.

Sáng ngày 24/12/2023, Lê Tiến B chỉ đạo Trần Văn S1 và Lê Văn N1 sử dụng xe ô tô nói trên chở sản phẩm cà phê bột đi bán tại huyện C và huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Khi đang bán tại xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ kiểm tra, phát hiện, thu giữ 2.645 gói (khối lượng 1.365kg), cà phê bột nhãn hiệu Coffee Huy Đạt 1 không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ. Thời điểm này, đã bán được 05 bao Coffee Huy Đạt 1 (loại 01kg/gói) và 01 gói Coffee Chồn Ban Mê Huy Đạt 1 cho bà Phan Thị H7 (sinh năm 1983, trú tại: thôn F, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk) nhưng không thu giữ được vật chứng.

Ngày 25/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ khám xét khẩn cấp đối với Cơ sở sản xuất cà phê H8 và 02 phương tiện xe ô tô tải mang biển kiểm soát 60H – 502.40; 60C – 095.69 đã thu giữ cà phê bột do Cơ sở sản xuất cà phê Hương Mộc sản xuất và các tài liệu, đồ vật liên quan.

Kết luận giám định số 2656, ngày 29/12/2023 của Phân Viện khoa học Hình sự tại Đà Nẵng:

- Trong 04 mẫu chất bột màu nâu (trung cầu ghi: mẫu cà phê bột) ký hiệu HĐC1 (Cà phê Huy Đạt 1), HĐC2 (Cà phê Huy Đạt 2), HĐA1 (Cà phê chồn Ban Mê Huy Đạt vỏ bao bì màu nâu), HĐA2 (Cà phê chồn Ban Mê Huy Đạt vỏ bao bì màu đen) gửi giám định đều không tìm thấy caffeine.

- Trong mẫu chất bột màu nâu (trung cầu ghi: mẫu cà phê bột) ký hiệu HĐA3 (cà phê Huy Đạt vỏ bao bì màu bạc) gửi giám định có tìm thấy caffeine, hàm lượng caffeine trong mẫu là 1,62%, hàm lượng caffeine trong mẫu phù hợp với chỉ tiêu hàm lượng caffeine theo tiêu chuẩn TCVN 5251:2015.

Kết luận định giá số 23, ngày 04/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk: 395kg cà phê bột nhãn hiệu Coffee Chồn Ban Mê Huy Đạt 1 có giá trị 375.250.000 đồng, 260kg cà phê bột nhãn hiệu Coffee Chồn Ban Mê Huy Đạt 1 có giá trị 247.000.000 đồng, 235kg cà phê bột nhãn hiệu Coffee Huy Đạt 1 có giá trị 35.250.000 đồng, 235kg cà phê bột nhãn hiệu Coffee Huy Đạt 2 có giá trị 58.500.000 đồng. Tổng giá trị là **716.000.000 đồng**.

Kết luận giám định số 125, ngày 31/01/2024 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng xác định:

- Trong 08 mẫu chất bột màu nâu (trung cầu gì: Mẫu cà phê bột) ký hiệu CFCSTX1, CFCBMT2, CFCBMT4, CFHMX2, CFHMX3, CFHMTG01, CFHNTF03, CFHMK1 gửi giám định đều không tìm thấy C3.

- Trong 20 mẫu chất bột màu nâu (trung cầu ghi: Mẫu cà phê bột): Hàm lượng cà phê trong các mẫu ký hiệu: CFCĐX1, CFCĐX2, CFCĐX3, CFCĐX4, CFCBMT1, CFCBMT3, CFHMX1, CFCĐX4, CFCĐX5, CFCĐX6, CFCĐX7, CFCĐX8, CFCĐX9, CFCĐX10, CFHMTG02, CFHMTG4, CFHMK2, CFHMK3, CFHMK4 gửi giám định đều không đạt chỉ tiêu hàm lượng caffeine theo tiêu chuẩn TCVN 5251:2015 (*Tiêu chuẩn quốc gia về cà phê bột, hàm lượng C3 (tính theo % khối lượng) không nhỏ hơn 1,0%*); Hàm lượng cà phê trong mẫu ký hiệu: CFHMX11 gửi giám định đạt chỉ tiêu hàm lượng caffeine theo tiêu chuẩn TCVN 5251:2015 (*Tiêu chuẩn quốc gia về cà phê bột, hàm lượng C3 (tính theo % khối lượng) không nhỏ hơn 1,0%*).

Kết luận định giá số 788, ngày 19/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk: 696kg cà phê bột nhãn hiệu Coffee Chồn sáng tạo có giá trị 661.200.000 đồng, 169kg cà phê bột nhãn hiệu Chồn đen Coffee có giá trị 160.550.000 đồng; 152,5kg cà phê bột nhãn hiệu Cà phê Buôn Mê T4 Chồn có giá trị 144.875.000 đồng; 1120kg cà phê bột nhãn hiệu Hương Mộc Coffee có giá trị 168.000.000 đồng; 15kg cà phê bột nhãn hiệu Hương Mộc Coffee có giá trị 2.250.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số: 51, 52, ngày 10/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện E: 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, loại xe thùng kín, biển số 60H-095.69, có giá trị: 415.700.000 đồng; 01 nhà xưởng được chia làm hai khu vực gồm: khu vực sản xuất, chế biến có kích thước (9,4 x 9,2)m; khu vực đóng gói, đồng thời là kho chứa hàng có kích thước (7,3 x 2,9)m. Toàn bộ được thung bằng thép hộp loại (03 x 06)cm; tường bao quanh bằng gạch, dày 10cm, cao 80cm; vách tường bằng tôn, nền lát gạch hoa (40 x 40)cm; mái lợp tôn thiếc có giá trị: 75.272.000 đồng (Đây là các tài sản chung của vợ chồng bị can Thái Thanh A trong thời kỳ hôn nhân); 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, loại FRONTIER, biển kiểm soát 47C-265.95 có giá trị: 360.245.000 đồng (do ông Lê Tiến B1 là chủ sở hữu hợp pháp); 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, loại xe tải thùng kín, biển kiểm soát 60C-502.40 có giá trị: 277.064.000 đồng (do ông Đoàn Hữu T8 là chủ sở hữu hợp pháp).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2024/HS-ST, ngày 21 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Tuyên bố:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo: Thái Thanh A, Lê Tiến B phạm tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm*”; Bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Sản xuất hàng giả*”

là thực phẩm”.

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 193, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Thái Thanh A 11 (Mười một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2023 đến ngày 09/4/2024.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 193, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 11 (Mười một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 193, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Tiến B 11 (Mười một) năm tù; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 07 (Bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc” tại bản án số 166/2022/HS-PT ngày 29-11-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **11 (Mười một) năm 07 (Bảy) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/7/2022 đến ngày 12/8/2022, từ ngày 27/12/2023 đến ngày 09/4/2024.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Thái Thanh A, Lê Tiến B đang nuôi con nhỏ, không có thu nhập ổn định, bị cáo Trần Văn T là người làm công hưởng lương nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/3/2025 các bị cáo Thái Thanh A; Lê Tiến B; Trần Văn T có đơn kháng cáo, với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Thái Thanh A giữ nguyên nội dung kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Thái Thanh A, Lê Tiến B về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm” và bị cáo Trần Văn T về tội “Sản xuất hàng giả là thực phẩm”, là có căn cứ và đúng người, đúng tội. Về mức hình phạt 11 (Mười một) năm 06 (Sáu) tháng tù đối với bị cáo Thái Thanh A là thỏa đáng, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, mức hình phạt 11 (Mười một) năm tù đối với bị cáo Lê Tiến B và 11 (Mười một) năm tù đối với bị cáo Trần Văn T mà bản án sơ thẩm đã

xử phạt đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ Trần Văn T là người làm thuê với vai trò thứ yếu, tại cấp phúc thẩm Lê Tiến B cung cấp chứng cứ mới bị cáo có ông nội là là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên cần chấp nhận kháng cáo và giảm một hình phạt cho các bị cáo Trần Văn T và Lê Tiến B. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Thái Thanh A, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt 11 năm 06 tháng tù. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Thái Thanh A, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt, đề nghị xử phạt đối với bị cáo Trần Văn T 10 năm tù, xử phạt bị cáo Lê Tiến B 10 năm 7 tháng tù, tổng hợp hình phạt với bản án treo mà bị cáo chưa chấp hành theo quy định. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo Thái Thanh A, Lê Tiến B và Trần Văn T không tranh luận, bào chữa gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo Thái Thanh A, Lê Tiến B và Trần Văn T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật và vì động cơ tư lợi cá nhân, nên trong thời gian từ tháng 10/2023 đến ngày 25/12/2023, tại Cơ sở sản xuất cà phê H8 (địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai), Thái Thanh A là chủ Cơ sở sản xuất cà phê H8 vì động cơ vụ lợi, đã khởi xướng, chỉ đạo Trần Văn T là người thực hành và giúp sức cho Thái Thanh A sản xuất hàng giả là cà phê bột không đạt chỉ tiêu hàm lượng Caffeine theo tiêu chuẩn TCVN 5251:2015, không đúng theo bản tự công bố và bao bì sản phẩm (hàm lượng Caffeine >1%) gồm các nhãn hiệu: cà phê Hương Mộc coffee, Buôn Mê T4 Chồn sáng tạo, C1 chồn đen, Buôn M sau đó xuất bán ra thị trường. Thời điểm bị bắt, Thái Thanh A đã thu lợi bất chính được số tiền 2.600.000 đồng từ việc bán cà phê bột giả, số lượng còn lại chưa bán ra thị trường thì bị bắt giữ. Toàn bộ số lượng hàng giả Thái Thanh A sản xuất và bán ra thị trường đã được thu giữ, có giá trị tương đương hàng thật là 1.136.875.000 đồng. Ngoài ra, từ ngày 08/12/2023 đến ngày 12/12/2023, tại Cơ sở sản xuất cà phê H8 (địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai), Thái Thanh

A tiếp tục chỉ đạo Trần Văn T thực hiện hành vi sản xuất 1.210kg cà phê bột giả theo đơn đặt hàng của Lê Tiến B (chỉ sử dụng 100% đậu nành đã tẩm ướp, không sử dụng cà phê hạt) đóng gói vào các nhãn hiệu: Cà phê Huy Đạt 1, Cà phê H, Cà phê chồn Ban Mê Huy Đ1 để Bắc bán ra thị trường với mục đích vụ lợi cá nhân nhưng không thu giữ được số lượng cà phê bột B đã bán ra thị trường để xác định số tiền thu lợi bất chính. Tổng số lượng hàng giả bị thu giữ của Lê Tiến B có giá trị tương đương hàng thật là: 716.000.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Thái Thanh A, Lê Tiến B về tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 193 của BLHS và bị cáo Trần Văn T về tội “*Sản xuất hàng giả là thực phẩm*”, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 193 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Thái Thanh A, Lê Tiến B và Trần Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, gây ảnh hưởng xấu đến lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thương mại, nên cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo và đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét kháng cáo của bị cáo Thái Thanh A, thấy rằng tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, đã đánh giá về nhân thân đối với bị cáo, bị cáo có nhân thân xấu đã bị xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích, trong vụ án bị cáo bị là người khởi xướng, chủ mưu và bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên, tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn T và Lê Tiến B, thấy rằng đối với bị cáo Trần Văn T là nhân viên của Thái Thanh A, bị cáo chỉ thực hiện việc gia công sản phẩm theo sự chỉ đạo của Thái Thanh A để nhận lương theo công việc mặc dù biết sản phẩm này là hàng giả, do đó bị cáo chỉ đóng vai trò thứ yếu. Đối với hành vi của bị cáo Lê Tiến B, tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định hành vi và vai trò của bị cáo trong vụ án áp dụng mức hình phạt tương xứng, tuy nhiên xét thấy tại cấp phúc thẩm bị cáo có cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ mới là bị cáo có ông nội là là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, trong vụ án sản phẩm giả mà bị cáo mua từ Thái Thanh A chưa được đưa ra thị trường tiêu thụ nhiều thì bị bắt giữ. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T và Lê Tiến B giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Thái Thanh A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, đối với bị cáo Lê Tiến B và Trần Văn T không

phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Thái Thanh A; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 54/2024/HS-ST, ngày 21 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt đối với Thái Thanh Anh .

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Tiến B và Trần Văn T; Sửa Bản án sơ thẩm số 54/2024/HS-ST, ngày 21 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt đối với các bị cáo.

Tuyên bố các bị cáo: Thái Thanh A, Lê Tiến B phạm tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm*”; Bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Sản xuất hàng giả là thực phẩm*”.

[2] Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 193, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Thái Thanh A 11 (Mười một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2023 đến ngày 09/4/2024.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 193, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 10 (Mười) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 193, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Tiến B 10 (Mười) năm 09 (Chín) tháng tù; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc” tại bản án số 166/2022/HS-PT, ngày 29-11-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 11 (Mười một) năm 04 (Bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/7/2022 đến ngày 12/8/2022 và từ ngày 27/12/2023 đến ngày 09/4/2024.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Thái Thanh A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện E;
- VKSND huyện E;
- Công an huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Thuấn